TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2017/HSST
Ngày: 14/11/2017

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG - HẢI D- ƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân Tr- ờng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Lan**

2. Ông **Lương Đình Liên**

Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Mừng** - Cán bộ TAND huyện Bình Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Ông **Vũ Xuân Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường UBND xã Bình Minh, huyện Bình Giang, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải D- ơng mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 60/2017/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NHỮ VĂN H**, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Không;

Bố đẻ: Nhữ Văn V, sinh năm 1963.

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1966.

Gia đình có 4 anh chị em, H là con thứ nhất.

Họ tên vợ: Vũ Thị N1, sinh năm 1994.

Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 12/5/2015, Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số 84/QĐ-XPHC về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, đến nay H chưa nộp tiền phạt;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/8/2017, đến ngày 09/8/2017 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi, Công an tỉnh Hải Dương, có mặt tại phiên tòa.

**** Ng□ời bị hại*:** Ông **Vũ Đình S**, sinh năm 1969.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, xã B1, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nhữ Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hải D- ơng truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Khoảng 07 giờ ngày 08/8/2017, Nhữ Văn H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda cub không biển kiểm soát, mượn của bố đẻ là ông Nhữ Văn V đi từ nhà mình đi đến thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Hải Dương để trộm cắp tài sản. Khi đi vào đường thôn B2, H thấy nhà ở của gia đình ông Vũ Đình S, sinh năm 1969 mở cổng, cửa nhà khóa ngoài, không ai ở nhà. H đi xe máy vào sân rồi dùng tay mở cánh cửa sổ bằng nhôm kính, chui qua vào trong nhà trộm cắp tài sản gồm 01 máy tính bảng hiệu Samsung màu trắng, 01 tivi màn hình tinh thể lỏng màu đen hiệu Sony 48 inch, H dùng chăn nỉ màu đỏ ở trên giường ngủ bọc ngoài tivi bê ra ngoài. H dùng xe máy trên chở tài sản trộm cắp được đi theo đường tỉnh lộ 392 đến Phố C, xã L, huyện T vào cửa hàng điện máy "P.N" của gia đình anh Phạm Văn N, sinh năm 1971 nói dối là ti vi của nhà mình cần bán. Do không có nguồn và điều khiển nên H nói với anh N về nhà lấy rồi quay lại bán. H dắt xe máy đi ra khỏi cửa hàng được khoảng 20 mét thì bị tổ tuần tra Công an huyện T và Công an xã L kiểm tra, qua làm việc H thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của gia đình ông S. Công an huyện T lập biên bản thu giữ máy tính bảng, ti vi và bàn giao H cùng vật chứng cho Cơ quan điều tra Công an huyện B xử lý theo thẩm quyền thì H sợ hãi và bỏ chạy, tổ công tác đã bắt giữ được H cùng toàn bộ vật chứng.

Tại bản Kết luận số 27 ngày 09/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện B xác định: Tivi hiệu Sony W65D, 48 inch, vỏ màu đen và máy tính bảng hiệu Samsung, vỏ màu trắng mà Họa đã trộm cắp có tổng trị giá là 12.000.000đ;

Quá trình điều tra, Nhữ Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với Biên bản thực nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, lời khai của người bị hại, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 48/VKS-HS ngày 11/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hải D- ơng truy tố ra tr- ớc Tòa án nhân dân huyện B để xét xử bị cáo Nhữ Văn H về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nhữ Văn H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt chính: □p dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nhữ Văn H từ 10 – 12 tháng tù, thời gian tính từ ngày 08/8/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về vật chứng và biện pháp t- pháp: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí STHS theo Điều 99 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Toà án.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của bị cáo, ….

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của ng- ời bị hại, ng- ời làm chứng và các tài liệu chứng cứ đ- ợc thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở xác định:

Hồi 08 giờ 30 phút ngày 08/8/2017, Nhữ Văn H đi xe máy nhãn hiệu Honda Cub vào nhà ông Vũ Đình S, sinh năm 1969, ở thôn B2, xã B1, huyện B, tỉnh Hải Dương. Lợi dụng gia đình ông Sinh không có ai ở nhà, H lấy 01 tivi hiệu Sony W65D, 48 inch, vỏ màu đen và 01 máy tính bảng hiệu Samsung, vỏ màu trắng trị giá là 12.000.000đ, trên đường H mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ, thu giữ vật chứng.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đ- ợc pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây t- t- ởng hoang mang cho nhân dân trong việc quản lý, bảo vệ tài sản nói chung và trên địa bàn huyện B nói riêng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức đ- ợc hành vi chiếm đoạt tài sản của ng- ời khác là vi phạm pháp luật nh- ng vì l- ời lao động, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản".

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nhữ Văn H phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo tr- ớc toà là có căn cứ, đúng ng- ời, đúng tội.

Xét bị cáo Nhữ Văn H có 01 tiền sự: Ngày 12/5/2015 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số 84/QĐ-XPHC về hành vi đánh bạc, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, đến nay H chưa nộp tiền phạt; Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu:

- Ngày 30/10/2013, bị Chủ tịch UBND xã H1 xử lý hành chính bằng biện pháp giáo dục tại xã (đã chấp hành xong).

- Ngày 14/12/2013, bị Công an huyện G xử phạt vi phạm hành chính số 181/QĐ-XPHC về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã chấp hành xong). Tuy nhiên bị cáo không coi đó là bài học để rèn luyện bản thân trở thành công dân tốt có ích cho xã hội nh- ng với bản chất l- ời lao động, muốn có tiền tiêu xài và với ý thức coi th- ờng pháp luật nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội, trị

giá tài sản chiếm đoạt là 12.000.000đ nên phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, cần có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng xem xét trong quá trình điều tra và sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đó là tình tiết giảm nhẹ đ- ợc quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là đối t- ợng không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho ng- ời bị hại, đến nay ng- ời bị hại không còn yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Về vật chứng và biện pháp t- pháp:

Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 34 - 308 – KB là của ông Nhữ Văn V, ông V không biết H sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại ông V nên không đặt ra giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn N đồng ý cho H để chiếc ti vi tại cửa hàng của mình, nhưng không biết chiếc tivi đó là tài sản do H trộm cắp được mà có, nên không có căn cứ xử lý đối với hành vi của anh N.

- Về án phí: □p dụng Điều 99 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí STHS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nhữ Văn H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

□p dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 BLHS:

Xử phạt bị cáo Nhữ Văn H 12 *(Mười hai)* tháng tù. Thời hạn tính từ ngày 08/8/2017.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng và biện pháp t- pháp: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: □p dụng Điều 99 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban th- ờng vụ Quốc hội quy định về chế độ án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí STHS.

□n xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, ng- ời bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản sao bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B
- Công an huyện B;
- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải D- ơng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an tỉnh Hải D- ơng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B
- Sở T- pháp Hải D- ơng;
- Bị cáo;
- Ng- ời bị hại;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Tr- ờng